

Phần 1

MỞ ĐẦU

Khu rừng đặc dụng Tà Xùa được thành lập tại Quyết định số 3440/2002/QĐ-UB ngày 11/11/2002, Quyết định số 3254/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của UBND tỉnh Sơn La về phê duyệt Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững Khu rừng đặc dụng Tà Xùa đến năm 2020 với tổng diện tích 16.673,2 ha thuộc phạm vi địa giới hành chính 3 xã, gồm xã Háng Đồng, huyện Bắc Yên; xã Mường Thái và xã Suối Tọ huyện Phù Yên. Khu rừng đặc dụng Tà Xùa, hiện đã thống kê được 671 loài thực vật, 364 chi và 129 họ thuộc 5 ngành thực vật bậc cao có mạch; 58 loài thú thuộc 23 họ và 9 bộ; 175 loài chim thuộc 48 họ, 15 bộ; 49 loài bò sát và lưỡng cư. Rừng đặc dụng Tà Xùa chứa đựng khu hệ sinh thái rừng kín thường xanh núi cao vùng Tây Bắc, có giá trị bảo tồn cao bởi còn lưu giữ được nhiều loài động, thực vật quý hiếm, lưu giữ nhiều nguồn gen quý hiếm đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng, cần được bảo vệ. Khu vực này có diện tích rừng tập trung khá lớn, đa dạng về các hệ sinh thái và sinh cảnh với nhiều kiểu rừng, rất có giá trị về bảo tồn nguồn gen và nghiên cứu khoa học. Đồng thời, tài nguyên cũng rất phong phú về mặt giá trị sử dụng như cho gỗ, dầu béo, tinh dầu thơm, cây thuốc quý, nguyên vật liệu...và là nơi cư trú lý tưởng cho động vật hoang dã sinh trưởng và phát triển. Ngoài ra, rừng đặc dụng Tà Xùa còn đóng vai trò quan trọng trong cải thiện môi trường sinh thái và điều tiết nguồn nước phục vụ cho sản xuất, sinh hoạt của người dân trong vùng và trong hệ thống rừng phòng hộ đầu nguồn lưu vực Sông Đà.

Từ khi thành lập với sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền các cấp, đặc biệt sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Chi cục Kiểm lâm tỉnh đã đầu tư từ nguồn vốn của Nhà nước và các chương trình, dự án, Ban quản lý khu rừng đặc dụng Tà Xùa đã đạt được kết quả tốt trong việc quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn và phát triển rừng, tuyên truyền giáo dục về bảo tồn, khai thác tiềm năng phát triển dịch vụ môi trường rừng, góp phần cùng chính quyền địa phương phát triển đời sống người dân tại vùng đệm trên địa bàn các xã Háng Đồng (huyện Bắc Yên), Suối Tọ, Mường Thái (huyện Phù Yên).

Theo Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 đã được Quốc hội khóa XIV kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 15/11/2017, có hiệu lực từ ngày 01/01/2019 quy định: “*Chủ rừng là tổ chức phải xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững*” (Khoản 1 Điều 27). Do vậy, quản lý rừng bền vững đã trở thành một nguyên tắc, nhiệm vụ bắt buộc đối với quản lý, bảo tồn, bảo vệ và phát triển

rừng của chủ rừng là tổ chức. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 quy định về quản lý rừng bền vững (viết tắt là QLRBV). Theo đó, phương án QLRBV có thời gian thực hiện tối đa 10 năm với các nội dung: Đánh giá hiện trạng rừng, quản lý rừng và sử dụng đất; Xác định các mục tiêu quản lý rừng và hệ sinh thái bền vững; Xác định các nội dung hoạt động quản lý, bảo vệ, bảo tồn, phát triển và sử dụng rừng, đất rừng và hệ sinh thái; Xác định các giải pháp thực hiện phương án, gồm giải pháp về vốn đầu tư (vốn ngân sách Nhà nước, tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng, thu hút vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế,...).

Thực hiện Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 11/3/2020 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ, dự toán kinh phí lập Phương án Quản lý rừng bền vững Khu rừng đặc dụng Tà Xùa giai đoạn 2021-2030. Ban quản lý rừng đặc dụng Tà Xùa xây dựng “*Phương án Quản lý rừng bền vững Khu rừng đặc dụng Tà Xùa giai đoạn 2021-2030*” với các nội dung chính như sau:

Chương 1 **CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN**

I. CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC

1. Văn bản quy phạm pháp luật của trung ương

Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng;

Luật Đa dạng sinh học ngày 13/11/2008;

Luật Đất đai năm ngày 29/11/2013 ;

Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH 13 và các văn bản hướng dẫn;

Luật Lâm nghiệp ngày 16/11/2017;

Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Nghị định 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đa dạng sinh học;

Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019 của Chính phủ;

Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2013;

Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

Nghị định số 156/2018 của ngày 16/11/2018 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Lâm nghiệp;

Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;

Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp;

Nghị định 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ về Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp;

Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đầu tư công;

Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp;

Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng;

Thông tư số 10/2014/TT-BNNPTNT ngày 26/3/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về xác định vùng đệm của khu rừng đặc dụng và vành đai bảo vệ khu rừng đặc dụng;

Thông tư Liên tịch số 15/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 26/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ hướng dẫn nhiệm vụ các Chi cục và các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Thông tư số 145/2016/TT-BTC ngày 29/12/2017 hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị Định số 141/2016/NĐ-CP ngày

10 tháng 10 năm 2016 của chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững;

Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về các biện pháp lâm sinh;

Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn gốc giống; quản lý vật liệu giống cây trồng chính;

Thông tư số 31/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về phân định ranh giới rừng;

Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng;

Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;

Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng;

Quyết định số 487/QĐ-BNN ngày 26/2/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác điều tra quy hoạch rừng.

2. Văn bản của địa phương

Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 16/07/2014 của HĐND tỉnh Sơn La khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Sơn La đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Nghị quyết số 92/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Sơn La về một số nhiệm vụ, giải pháp quản lý quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh;

Nghị quyết số 156/NQ-HĐND ngày 05/12/2019 của HĐND tỉnh về phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách địa phương 2020;

Nghị quyết số 197/NQ-HĐND ngày 30/6/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La về kế hoạch chuẩn bị đầu tư các dự án dự kiến khởi công mới trong kế hoạch đầu tư công năm 2021;

Quyết định số 2741/QĐ-UBND ngày 12/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc giao đất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban quản lý Khu bảo tồn Rừng đặc dụng Tà Xùa - Phù Bắc Yên;

Quyết định số 3254/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững Khu rừng đặc dụng Tà Xùa đến năm 2020;

Quyết định số 1529/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 của UBND tỉnh Sơn La về phê duyệt kết quả kiểm kê rừng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2013-2015;

Quyết định số 1248/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của UBND tỉnh Sơn La về Ban hành Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng;

Quyết định số 854, 855/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của UBND tỉnh Sơn La về Phê duyệt kết quả rà soát, chuyển đổi đất, rừng phòng hộ đầu nguồn ít xung yếu sang quy hoạch phát triển rừng sản xuất gắn với điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng huyện Bắc Yên, Phù Yên đến 2025 và định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 3248/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc phê duyệt dự án rà soát, điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng giai đoạn 2017-2025 và định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 20/6/2019 của UBND tỉnh Sơn La quy định cơ cấu tổ chức của Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La;

Quyết định số 2845/QĐ-UBND ngày 22/11/2019 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2021, định hướng đến năm 2025;

Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao dự toán thu, chi ngân sách 2020;

Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 04/3/2020 của UBND tỉnh Sơn La về Phê duyệt danh sách cộng đồng dân cư (*bản*) thuộc vùng đệm các khu rừng đặc

dụng, khu rừng đặc dụng - phòng hộ, khu Bảo tồn thiên nhiên trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của UBND tỉnh Sơn La về Công bố hiện trạng rừng tỉnh Sơn La năm 2019;

Quyết định số Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 11/3/2020 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt đề cương, nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Phương án Quản lý rừng bền vững Khu rừng đặc dụng Tà Xùa giai đoạn 2021-2030;

II. CAM KẾT QUỐC TẾ

1. Công ước CITES (Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật thực vật hoang dã đang bị nguy cấp - Convention on International Trade in Endangered Species of Wild Fauna and Flora);

2. Công ước đa dạng sinh học (Convention on Biological Diversity - CBD).

III. TÀI LIỆU SỬ DỤNG

1. Tài liệu dự án, đề án, quyết định thành lập, giao nhiệm vụ cho chủ rừng

- Quyết định số 3440/2002/QĐ-UB ngày 11/11/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc thành lập Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên trực thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Sơn La;

- Quyết định số Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 11/3/2020 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ, dự toán kinh phí lập Phương án Quản lý rừng bền vững Khu rừng đặc dụng Tà Xùa giai đoạn 2021-2030;

2. Các tài liệu điều tra chuyên đề của khu rừng

Báo cáo điều tra đa dạng sinh học tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Tà Xùa, tỉnh Sơn La của Trung tâm đa dạng và an toàn sinh học - Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam. Do Dự án phát triển lâm nghiệp KFW7 Hòa Bình - Sơn La tài trợ. Kết quả điều tra công bố năm 2012.

3. Bản đồ: bản đồ hiện trạng rừng và hiện trạng sử dụng đất, bản đồ giao đất, giao rừng, các loại bản đồ chuyên đề khác có liên quan

- Bản đồ Quy hoạch bảo tồn và phát triển rừng đặc dụng tỉnh năm 2014;

- Bản đồ kiểm kê rừng 2016;

- Bản đồ quy hoạch bảo tồn và phát triển rừng đặc dụng Khu rừng đặc dụng Tà Xùa năm 2014;

- Bản đồ Quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Sơn La năm 2018;

4. Quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh

- Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Sơn La đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

- Quy hoạch bảo tồn và phát triển rừng đặc dụng tỉnh đến năm 2020;

- Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững của Khu rừng đặc dụng Tà Xùa đến năm 2020;

- Kết quả rà soát, chuyển đổi đất, rừng phòng hộ đầu nguồn ít xung yếu sang quy hoạch phát triển rừng sản xuất gắn với điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng huyện Bắc Yên, Phù Yên đến 2025 và định hướng đến năm 2030;

- Kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng cấp tỉnh giai đoạn 2017-2025 và định hướng đến năm 2030;

5. Số liệu hiện trạng tài nguyên rừng, kế hoạch sử dụng đất của đơn vị

- Kết quả kiểm kê rừng năm 2016;

- Kết quả theo dõi diễn biến rừng huyện Bắc Yên, Phù Yên năm 2019;

- Kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011-2015) của Bắc Yên, Phù Yên.

Chương 2

ĐẶC ĐIỂM HIỆN TRẠNG CỦA ĐƠN VỊ

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị (chủ rừng): Ban quản lý rừng đặc dụng Tà Xùa;

2. Địa chỉ (trụ sở làm việc của chủ rừng): xã Mường Thái, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La

3. Điện thoại: 0223.800.999

4. Quyết định thành lập, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị chủ rừng theo quy định của pháp luật

- Quyết định số 3440/2002/QĐ-UB ngày 11/11/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc thành lập Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên trực thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Sơn La;

- Quyết định số 57/QĐ-CCKL ngày 30/01/2019 của Chi cục Kiểm lâm về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn Ban quản lý rừng đặc dụng, khu Bảo tồn thiên nhiên thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Sơn La.

5. Cơ cấu tổ chức của đơn vị

Theo Quyết định số 57/QĐ-CCKL ngày 30/01/2019 của Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh Sơn La.

Ban quản lý rừng đặc dụng Tà Xùa được thành lập năm 2002, hiện nay Ban quản lý được giao 22 công chức, viên chức kiểm lâm, trong đó: tập thể lãnh đạo gồm 03 đồng chí: Giám đốc kiêm Hạt trưởng và 02 phó giám đốc; các bộ phận chuyên môn gồm: phụ trách kỹ thuật, pháp chế, tổ chức hành chính và 03 trạm bảo vệ rừng. Ban quản lý rừng đặc dụng Tà Xùa được nhà nước giao quản lý 16.673,2 ha trên địa bàn 03 xã: Háng Đồng (huyện Bắc Yên); xã Suối Tọ, Mường Thái (huyện Phù Yên).

II. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐỊA HÌNH, KHÍ HẬU, THỦY VĂN VÀ THỔ NHƯỠNG

1. Vị trí địa lý, địa hình

1.1. Vị trí địa lý

Rừng đặc dụng Tà Xùa nằm trên địa bàn 3 xã: Háng Đồng, huyện Bắc Yên và xã Mường Thái, Suối Tọ, huyện Phù Yên. Phạm vi địa lý tiếp giáp:

- Phía Bắc giáp huyện Văn Chấn và Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái;
- Phía Đông giáp xã Mường Còi, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La;
- Phía Nam giáp xã Làng Chiếu và Phiêng Ban huyện Bắc Yên; xã Gia Phù, Huy Thượng, Quang Huy, Huy Bắc và Suối Bau huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La;
- Phía Tây giáp với xã Làng Châu và Xím Vàng huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La;

1.2. Địa hình

Rừng đặc dụng Tà Xùa nằm ở sườn Đông Nam của dãy Hoàng Liên Sơn, địa hình cao dốc, mức độ chia cắt mạnh, có nhiều đỉnh cao trên 2.000m dọc theo dãy Phu Sa Phin, cao nhất là đỉnh Phu Chiêm Sơn, có độ cao 2.765 m. Thấp nhất là khu vực cánh đồng lúa Mường Thái, có độ cao là 320m: Địa thế khu vực nghiêng dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam. Độ dốc bình quân 300, nhiều nơi độ dốc trên 400.

2. Khí hậu

Khu rừng đặc dụng nằm vùng khí hậu nhiệt đới ẩm, mưa nhiều. Mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 9, mùa khô từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau. Mùa khô, khí

hậu thường khô và lạnh. Mùa mưa, khí hậu nóng và mưa nhiều (chiếm 80% tổng lượng mưa năm).

Lượng mưa: lượng mưa bình quân năm từ 1600 - 1900mm, phân bố không đều trong năm. Mưa tập trung từ tháng 6 đến tháng 8, chiếm 70% tổng lượng mưa cả năm.

Nhiệt độ: nhiệt độ trung bình năm 20°C . Nhiệt độ tối cao 35°C (tháng 6). Nhiệt độ tối thấp là -1°C (tháng 1).

Âm độ: ẩm độ không khí bình quân năm là 85%, ẩm độ không khí tối cao là 90%, ẩm độ không khí tối thấp là 80%.

Chế độ gió: gió Đông Bắc thịnh hành từ tháng 10 đến tháng 2 năm sau, kéo theo thời tiết giá lạnh, có sương muối. Gió Tây Nam hoạt động từ tháng 3 đến tháng 5 thường khô hanh và nóng, dễ xảy ra cháy rừng.

3. Thủy văn

Khu vực có 3 hệ suối lớn là Suối Tọ, Suối Tác và Suối Sập chảy ra hồ thủy điện Hòa Bình theo hướng từ Bắc xuống Nam. Vào mùa mưa, lượng mưa nhiều nên lưu lượng dòng chảy lớn, thường gây lũ quét và lũ ống. Hiện tượng xói mòn lớp đất mặt hầu như phổ biến ở tất cả các diện tích canh tác nương rẫy và rất khó kiểm soát. Mùa khô do lượng mưa ít, lưu lượng dòng chảy giảm.

4. Địa chất và thổ nhưỡng

Nền vật chất trong khu vực hầu hết là các sản phẩm trầm tích lục nguyên với các loại đá mẹ chủ yếu là đá trầm tích và biến chất, đá hỗn hợp kiềm và trung tính, đá vôi,...

Rừng đặc dụng Tà Xùa có 8 loại đất, thuộc 4 nhóm đất chính sau:

- Nhóm đất mùn alit trên núi cao (A): diện tích 3.978 ha (chiếm 22% tổng diện tích tự nhiên của Khu rừng đặc dụng). Phân bố tập trung ở khu vực đỉnh núi Phu Chiêm Sơn, núi Háng Đồng. Tầng mặt chủ yếu là lớp cành khô từ xác thực vật phân hủy. Thành phần cơ giới từ toi xốp đến thịt nhẹ giàu dinh dưỡng.

- Nhóm đất đỏ vàng (F): diện tích 1.331 ha (chiếm 7%). Các loại đất phát triển trên nhóm đất trầm tích và biến chất, đá kiềm và trung bình, đá vôi..., phân bố ở độ cao 700 - 1.700m. Phần lớn khu vực này có thực bì che phủ nên tầng mùn dày. Thành phần cơ giới từ toi xốp đến thịt nhẹ và thịt trung bình. Tầng đất dày phổ biến từ 80 - 100cm.

- Nhóm đất mùn vàng đỏ trên núi (H): diện tích nhiều nhất 12.680 ha (chiếm 69%). vùng núi thấp phát triển trên nhóm đá trầm tích và biến chất, Thành phần cơ giới từ thịt nhẹ đến thịt trung bình. Tầng đất dày từ 70 - 110cm, nghèo dinh dưỡng và dễ bị xói mòn do độ dốc lớn.

- Nhóm đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ (D): diện tích 339,09ha (2%). Phân bố tập trung ở ven các suối Bản Chiếu. Đất hình thành do sản phẩm bồi tụ nên tầng đất dày, khá giàu dinh dưỡng.

III. DÂN SINH, KINH TẾ, XÃ HỘI

1. Dân số, dân tộc, lao động

Theo số liệu thống kê của các địa phương năm 2019, tình hình dân số, dân tộc và lao động tại các xã như sau:

- *Xã Suối Tọ*: Xã có 8 bản với 699 hộ và 4.139 nhân khẩu, mật độ dân số thấp (29,36 người/km²). Về thành phần dân tộc, chủ yếu là người Mông (99,11% dân tộc Mông; 0,89% Mường, 0,089% Kinh), số dân trong độ tuổi lao động là 3.466 người (*nam là 1.933 người, nữ là 1.533 người*), địa bàn sinh sống rải rác trên các triền núi cao, độ dốc lớn. Canh tác chủ yếu là lúa nương và ngô. Xã Suối Tọ có diện tích rừng tự nhiên lớn, phần lớn thuộc Rừng đặc dụng Tà Xùa.

- *Xã Mường Thái*: Đây là xã thuộc vùng khó khăn của huyện Phù Yên, toàn xã có 10 bản và 4 dân tộc anh em sinh sống là Kinh, Mường, Mông, Dao. Xã được chia làm 2 vùng, vùng cao gồm 5 bản: Giáp Đất, Khe Lành, Khoai Lang, Suối Tàu, Suối Quốc và 5 bản vùng thấp: Bản Chiếu, Thái Hạ, Thái Thượng, Văn Phúc Yên.

Tổng số hộ trong xã có 956 hộ, so với cùng kỳ năm 2018 tăng 1,4%; tổng số nhân khẩu 4.016 nhân khẩu. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đạt 1%. Số cặp vợ chồng sinh con thứ 3 là 20 trường hợp, chiếm 31,7% (*tổng số sinh 63 trong đó sinh con thứ 3 là 20 người*), giảm 01 người so với năm 2018. Số người lao động trong toàn xã 2.685 người, (*trong đó: Lao động nữ từ 15-55 tuổi: 1.288 người; Lao động nam từ 15-60 tuổi: 1.397 người*).

Tổng số lao động đi làm ăn trong tỉnh, ngoài tỉnh 316 người (*trong đó lao động trong tỉnh 47 người, lao động ngoài tỉnh 269 người*).

- *Xã Háng Đồng*: Háng Đồng là xã vùng cao của huyện Bắc Yên được thành lập theo Nghị Định số 47/NĐ-CP ngày 17/4/2008 của Chính phủ, xã có 5 bản với 476 hộ gồm 3.033 nhân khẩu với 99% là đồng bào dân tộc Mông, các dân tộc khác như Kinh, Tày, Xinh Mun... là những giáo viên, cán bộ y tế đến